

Số: 5 /TM - BVUB

Bắc Ninh, ngày 14 tháng 7 năm 2025

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các đơn vị cung ứng.

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23/6/2023; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29/11/ 2024;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính Phủ về việc Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; Nghị định số 17/2025/NĐ-CP ngày 06/02/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật đấu thầu.

Bệnh viện Ung bướu Bắc Ninh có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: mua sắm thiết bị, hạ tầng công nghệ thông tin với nội dung cụ thể như sau:

Yêu cầu phạm vi cung cấp hàng hóa chi tiết tại **Phụ lục 01** kèm theo.

Kính đề nghị các Công ty/ Đơn vị quan tâm và có đủ kinh nghiệm, năng lực, điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật, gửi bản Báo giá theo mẫu tại **Phụ lục 02** để Bệnh viện có căn cứ xây dựng giá dự toán của gói thầu.

1. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Ông: Hoà Quang Hải; Điện thoại: 0983.628.307

2. Địa chỉ nhận bản điện tử: bvub.syt@bacninh.gov.vn hoặc nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng KHTH Bệnh viện Ung bướu Bắc Ninh, đường Phạm Ngọc Thạch, phường Đa Mai, tỉnh Bắc Ninh.

3. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 14h00 ngày 14 tháng 7 năm 2025 đến trước 16h30p ngày 21 tháng 7 năm 2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

Các đơn vị cung ứng thực hiện báo giá theo mẫu báo giá kèm theo.

4. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2025.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HSĐT.



CHỖ CHỮ KÝ

Nguyễn Danh Song

PHỤ LỤC 01*(Kèm theo thư mời số**/TM - BVUB ngày**tháng 7 năm 2025 của Bệnh viện Ung bướu Bắc Ninh)*

STT	Tên chung hàng hóa	Thông số Kỹ Thuật	Đơn vị tính	Số lượng
1	Thiết bị lưu trữ NAS (Network-Attached Storage)	≥AMD Ryzen™ 7 series 7000, 8 nhân / 16 luồng. Tốc độ xung nhịp tối đa: 5.3 GHz, 64-bit x86 Dung lượng bộ nhớ hệ thống: ≥32 GB DDR5 UDIMM (1 thanh 32 GB), Flash Memory: ≥5GB (Dual boot OS protection) Khay ổ đĩa: ≥12 x 3.5-inch SATA (6Gb/s hoặc 3Gb/s) Hỗ trợ ổ đĩa: ≥Ổ cứng 3.5" SATA HDD, ổ cứng SSD SATA 2.5" Hỗ trợ thay nóng: Có (không hỗ trợ SSD M.2 thay nóng) Cổng Ethernet 2.5G: ≥2 cổng (hỗ trợ 2.5G/1G/100M/10M) Cổng Ethernet 10G: ≥2 cổng 10GBASE-T (hỗ trợ 10G/5G/2.5G/1G/100M) Khe 1: PCIe Gen 4 x4 Khe 2: PCIe Gen 4 x8 hoặc Gen 4 x4 (Khi Khe 1 không sử dụng thì Khe 2 hoạt động ở x8; nếu Khe 1 được sử dụng thì Khe 2 chỉ còn x4) Khe 3: PCIe Gen 4 x4 Ổ cứng ≥12*20 Tb Module quang ≥ 2 cổng 10GbE SFP+ 850nm SR, hỗ trợ khoảng cách lên đến 300 mét, chịu được nhiệt độ công nghiệp (-40~85°C) Có các giấy tờ liên quan đến sản phẩm như: CO, CQ, bản quyền, các loại giấy chứng nhận ... Tương thích với hệ thống đang sử dụng Bảo hành ≥ 36 tháng	Bộ	01
2	Thiết bị chuyển mạch chính lớp (Layer) 3, 4 có 24 cổng quang ≥ 10Gb bao gồm (16 cổng quang 10 GB, 8 Cổng quang 25GB L3)	Cổng kết nối: ≥16 x 1/10GE SFP+, ≥ 8 x 1/2.5/10/25 GE SFP28 Hỗ trợ stack: ≥ 9 đơn vị Băng thông chuyển mạch: ≥ 920Gbps, băng thông chuyển mạch toàn bộ hệ thống: ≥ 2,32 Tbps; - Hiệu suất chuyển mạch: ≥450 Mpps; - địa chỉ MAC ≥ 128000; - VLAN: ≥ 4K (4094VLAN) Hỗ trợ ARP snooping; IGMPv1/v2/v3 và IGMP v1/v2/v3 Snooping; ACL;	Chiếc	01

STT	Tên chung hàng hóa	Thông số Kỹ Thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		Định tuyến IP: Các giao thức định tuyến động IPv4 như RIP, OSPF, IS-IS và BGP; các giao thức định tuyến động IPv6 như RIPng, OSPFv3, ISISv6 và BGP4+; Routing Policy, Policy-Based Routing; VRF. Hỗ trợ phân loại dựa trên Layer header, giao thức Layer 3 Hỗ trợ phân loại dựa trên chính sách ưu tiên 802.1p. Hỗ trợ khe cắm mở rộng. Độ ổn định: Thời gian trung bình giữa các lần hỏng hóc (MTBF) > 80 năm. Năm sản xuất: 2025 đến nay Tương thích với hệ thống đang sử dụng Bảo hành ≥ 12 tháng		
3	Thiết bị chuyển mạch phân phối tại các tầng (24 cổng đồng POE 10/100/1000 Mbps - 4 SFP+)	Cổng kết nối: ≥ 24 cổng 10M/100M/1GE PoE+ RJ45, ≥ 4 cổng 10GE SFP+ Hiệu năng, tính năng thiết bị: Băng thông chuyển mạch: ≥ 128 Gbps; băng thông chuyển mạch toàn bộ hệ thống: ≥ 520 Gbps; Thông lượng: ≥ 96 Mpps; MAC entries $\geq 16K$; - VLAN: $\geq 4K$. Định tuyến IP: Static route, RIP, RIPng, OSPF, OSPFv3, VRRP, VRRP6, Routing Policy, Policy-Based Routing; Hỗ trợ tối đa 2048 mục nhập FIBv4 (MAX); Hỗ trợ tối đa 1024 mục nhập FIBv6 (MAX) ACL ≥ 2432 (IPv4); ≥ 1536 (IPv6) Tổng công suất PoE / PoE+: $\geq 400W$; ít nhất 13 cổng 30W Độ ổn định: Thời gian trung bình giữa các lần hỏng hóc (MTBF) > 60 năm. Môi trường: RoHS; REACH; WEEE. Năm sản xuất: 2025 đến nay Tương thích với hệ thống đang sử dụng Bảo hành ≥ 12 tháng	Chiếc	13

STT	Tên chung hàng hóa	Thông số Kỹ Thuật	Đơn vị tính	Số lượng
4	Cáp quang Multimode mode 4 lõi kéo đến các tủ từ switch trung tâm	Cáp quang đa một đệm chặt trong nhà/ngoài trời, chuẩn OM3, vỏ PVC màu đen, 4 sợi.	Mét	1560
5	Module quang Multimode OM3 10Gbps	Bộ thu phát quang, chuẩn SFP+, tốc độ 10G, module đa mode (850nm, 0.3km, đầu nối LC) Bảo hành ≥ 12 tháng	Chiếc	24
6	Dây Pigtail OM3 Hỗ trợ 10Gbps Dây hàn quang LC, OM3, 900um	LC Pigtail, dài 2 mét, loại đơn (Simplex), đường kính 900 micromet, lớp bọc chặt (Tight Buffer), chuẩn sợi quang OM3	Cái	52
7	Hộp phối ODF Rackmount phối 48 sợi quang	Giá cáp quang 1U, 24 cổng hỗ trợ module KeyConnect quang hoặc đồng, chuẩn 19", 1 khay hàn 48FO Mô đun quang KeyConnect OM3, LC kép (2 sợi) màu xanh Dây hàn quang LC, OM3, 900um Bảo hành ≥ 12 tháng	Cái	01
8	Hộp phối ODF Rackmount phối 4 sợi quang	Giá cáp quang 1U, 24 cổng hỗ trợ module KeyConnect quang hoặc đồng, chuẩn 19", 1 khay hàn 48FO Mô đun quang KeyConnect OM3, LC kép (2 sợi) màu xanh Aqua Dây hàn quang LC, OM3, 900um Bảo hành ≥ 12 tháng	Cái	01
9	Dây nhảy quang MM OM3 - SC-LC 3m	LC-SC Duplex 3m patch cord 2.0mm Multi Mode OM3, LSZH Dây nhảy quang Belden, LC-SC kép, 2.0mm, OM3, LSZH, 3m Bảo hành ≥ 12 tháng	Cái	26

STT	Tên chung hàng hóa	Thông số Kỹ Thuật	Đơn vị tính	Số lượng
10	Tủ rack cho các thiết bị mạng 10 U Chuẩn 19" sâu $\geq 600\text{mm}$	Tủ mạng HDRACK, mẫu B-Series, 15U, W600xD600mm. Cửa lưới độ thông thoáng $\geq 70\%$, 1 cánh trước, 2 cánh sau, 2 cánh hông, 2 quạt Ổ Cắm điện Bảo hành ≥ 36 tháng	Chiếc	13
11	Wallplate (đơn) + nhân RJ45	Mặt ổ cắm Belden 2 cổng loại KeyConnect Nhân mạng Belden Cat6 loại KeyConnect, màu trắng Đế sino Bảo hành ≥ 12 tháng	Bộ	80
12	Patch panel 24 port 10/100/1000 Sử dụng cho UTP CAT6	Thanh đầu nối cáp Belden 24 cổng loại KeyConnect, 1U (dạng rộng). Nhân mạng Belden Cat6 loại KeyConnect, màu xanh Bảo hành ≥ 12 tháng	Bộ	13
13	Dây mạng CAT6	Cáp mạng Belden Cat6 UTP, lõi đồng đặc 24AWG, 4 đôi xoắn, vỏ PVC chuẩn CMX, màu xanh dương. Bảo hành ≥ 12 tháng	cuộn	10
14	Dây nhảy Cat6 1m	Dây nhảy Belden đường kính cáp nhỏ Cat6 UTP, lõi bện 28AWG, màu xanh, 4FT Bảo hành ≥ 12 tháng	Chiếc	80
15	Dây nhảy Cat6 3m	Dây nhảy Belden đường kính cáp nhỏ Cat6 UTP, lõi bện 28AWG, màu xanh, 10FT Bảo hành ≥ 12 tháng	Chiếc	80
16	Hệ thống quản trị ứng dụng và hạ tầng công nghệ thông tin	Quản trị và rà quét hệ thống mạng hệ thống mạng, CSV, đơn node, lập lịch, Layer2, quy luật khám phá, môi trường ảo hóa Giám sát tính năng khả dụng, giao diện, SNMP, VMI, CLI, giám sát bằng agent, Vmware, Hyper-V, giám sát Xen, Nuttanix, UCS, tiến trình, Windown service, giám sát bằng TCP port, Script, Evvent log, SysLog, File/Folder, AD (Active Directory), Exchange Server, MS SQL, giám sát thiết bị, giám sát VLAN, giám sát Cisco ACI, giám sát Meraki, phân tích Network Path (chỉ dùng cho bản cái trên Windows Quản lý người dùng, xác thực tại chỗ, AD, radius, REST API	Phần mềm	01

STT	Tên chung hàng hóa	Thông số Kỹ Thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		Tùy biến dashboard, Dashboard riêng cho user, màn hình NOC, tùy chỉnh màn hình giám sát, thông tin giám sát theo thời gian thực -Màn hình nghiệp vụ, các bản đồ môi trường ảo hóa, Tích hợp với Google Maps, Tích hợp với Zoho Maps, Màn hình 3D Datacenter Quản lý lỗi, cảnh báo, tự động hóa công việc, giám sát SNMP Trap, gửi thư cảnh báo(email, SMS,..), tích hợp bên thứ 3 AIOps, Đặt ngưỡng thích nghi, Dự báo xu thế hiệu suất, Các báo cáo dự báo Thay đổi nhận diện logo phần mềm, Các báo cáo theo lịch, Các báo cáo dự báo, Bảo trì dữ liệu thô (60 ngày), Các công cụ hỗ trợ xử lý sự cố (RDP/SSH,...), Mobile App (Android/ iOS), Hỗ trợ đa ngôn ngữ Giám sát URL ≥ 5 URLs, Quản lý cấu hình mạng (NCM) ≥ 100 thiết bị, Quản lý địa chỉ IP (IPAM) ≥ 250 địa chỉ IP, Quản lý cổng switch (SPM) ≥ 250 cổng switch, Giám sát ổ đĩa ≥ 10 ổ đĩa, Giám sát, Access Point (đối với mạng WiFi dùng Controller) ≥ 60 Access Points" Tương thích với hệ thống đang sử dụng Bản quyền vĩnh viễn		
17	Phần mềm diệt Virus, bảo mật doanh nghiệp (Bitdefender GravityZone Business Security Premium)	Công nghệ máy học chống lại mã độc; Kiểm tra, giám sát tiến trình; Chống khai thác nâng cao; Tăng cường bảo mật chặt chẽ cho Endpoint; Chống lừa đảo và Lọc bảo mật web; Phòng thủ tấn công mạng; Ứng phó và ngăn chặn; Bảo vệ chống virus mã hóa ransomware; Bảo mật dựa trên đám mây thông minh lớn nhất; Tự động Xử lý và Ứng phó mỗi đe dọa; Phân tích rủi ro điểm cuối Bản quyền ≥ 12 tháng	Người dùng	25
18	Hệ thống cắt lọc sét phòng máy chủ	Cọc tiếp địa Cáp đồng trần CF $\geq 1 \times 50 \text{ mm}^2$ Cáp tiếp địa Cu/PVC $\geq 1 \times 35 \text{ mm}^2$ Hóa chất giảm điện trở Vật tư phụ	Gói	01

STT	Tên chung hàng hóa	Thông số Kỹ Thuật	Đơn vị tính	Số lượng
19	Máy in vòng tay y tế	Độ phân giải ≥ 203 dpi (TD-2310D) Chiều rộng in tối đa ≥ 59 mm Độ rộng lên tới ≥ 15 mm - 63mm RAM ≥ 32 Mb USB-C, USB Host, RS-232C Bảo hành ≥ 12 tháng	Chiếc	04
20	Xe tiêm thông minh	a. Yêu cầu cấu hình - Loại xe: Xe tiêm tích hợp máy tính - Thân tủ và 4 bánh xe: 01 bộ - Giá đựng đồ: 01 chiếc - Thùng đựng rác: 02 chiếc - Cọc truyền 4 móc: 01 chiếc- Tấm cứng thực hiện CPR: 01 chiếc - Ổ cắm điện đánh trên thân xe: 01 ổ - Chìa khóa tổng các ngăn kéo: 01 chiếc - Bình đựng bơm kim tiêm sau khi sử dụng: 01 chiếc - Máy tính kèm giá đỡ: 01 bộ - Pin, sạc: 01 bộ - Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh (nếu có) và tiếng Việt: 01 bộ b. Đặc tính, thông số kỹ thuật * Xe tiêm - Kích thước của xe: $\geq 750 \times 475 \times 930$ mm (Rộng x Dài x Cao) - Khung xe được làm bằng thanh nhôm định hình - Mặt xe được làm bằng nhựa đúc nguyên khối - Xe gồm tối thiểu 5 ngăn kéo (2 ngăn nhỏ, 2 ngăn trung và 1 ngăn lớn) - Bốn bánh xe phi tương đương 100 mm $\pm$ 20%, tối thiểu 2 bánh có phanh * Máy tính kèm giá đỡ - Kích thước màn hình máy tính ≥ 19 inch; độ phân giải 1280 x 1024 pixel - Có tối thiểu các cổng USB, LAN - Bộ xử lý: $\geq$ Intel Core i5 – thế hệ thứ 13 trở lên; thông số tối thiểu: 12MB Cache,	Bộ	06

STT	Tên chung hàng hóa	Thông số Kỹ Thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		2.1 GHz up to 4.6 GHz, 8 cores, 12 Threads); - Bộ nhớ RAM: ≥ 8 GB DDR4 - Ổ cứng: ≥ 512 GB PCIe NVMe M.2 SSD - Đồ họa: Đồ họa Intel® UHD - Có Wifi, tích hợp sẵn 2 loa - Nguồn điện lưu trữ tương đương 5.800 mah - Năm sản xuất: từ năm 2025 trở về sau - Bảo hành: ≥ 12 tháng		
21	Máy đọc mã vạch	Đầu đọc mã vạch 2D có dây Công nghệ đọc mã vạch: Chụp ảnh tuyến tính (Imager) Tốc độ đọc mã vạch: ≥ 120 in (~305cm)/giây đối với mã vạch UPC 13mil Độ phân giải (max): $\geq 1280 \times 800$ pixels Hỗ trợ EAS: Checkpoint EAS deactivation systems Nguồn sáng: Aiming pattern: ≥ 617 nm amber LED; Illumination: ≥ 660 nm Hyper Red LEDs Đèn báo: Beeper Chuẩn kết nối: USB, RS-232, RS-485 (IBM 46xx Protocols); Keyboard Wedge; Bảo hành ≥ 12 tháng	Chiếc	04
22	Máy in mã Vạch	- Công nghệ in nhiệt: gián tiếp (Thermal transfers) - Độ phân giải: ≥ 300 dpi - In chiều rộng: ≥ 104 mm (4.09in) - Tốc độ in: ≥ 4 in./152 mm peer second(300 dpi) - Bộ nhớ: $\geq$ Flash 512 MB - SDRAM: ≥ 256 MB - Mã hoá chuẩn barcode: 1D, 2D - Tương tác qua: nút nhấn, đèn led - Nguồn điện: 100-240VAC, 50-60Hz - Độ dài ribbon mực: ≥ 74 m, 300m	Chiếc	06

STT	Tên chung hàng hóa	Thông số Kỹ Thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		- Cổng giao tiếp: USB 2.0 - Bảo hành ≥ 12 tháng		
	Tổng số: 22 danh mục			

PHỤ LỤC 2: MẪU BÁO GIÁ

(Kèm theo Thư mời báo giá số /TM-BVUB ngày / /2025)

TÊN ĐƠN VỊ CUNG CẤP DỊCH VỤ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

.....ngày.....tháng..... năm 2025

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Ung bướu Bắc Ninh

(Tên đơn vị):

Địa chỉ:

Căn cứ vào thư mời báo giá của Bệnh viện Ung bướu Bắc Ninh và khả năng cung cấp của công ty, chúng tôi xin gửi tới Quý viện bản báo giá như sau:

STT	Tên hàng hóa	Tên Thương mại (nếu có)	Chủng loại/ký mã hiệu sản phẩm	Mã HS (nếu có)	Thông số Kỹ thuật	Hãng, nước sản xuất	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá Có VAT	Chi phí cho các dịch vụ liên quan	Thành tiền VAT	Ghi chú
1													
2													
3													
....													
(n)													

Báo giá có hiệu lực: ...ngày, kể từ ngày báo giá. (Hiệu lực tối thiểu 90 ngày)

Đại diện hợp pháp của đơn vị báo giá
(Ký, ghi rõ chức danh, họ tên và đóng dấu)